| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN SÔNG LÔ**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:18/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 8 năm 2022
*V/v:"Ly hôn,tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Khương Đặng Khánh Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Trung

Bà Nguyễn Thị Hồng

***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

***Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:*** Bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thanh H, sinh năm 1991 (có mặt); Nơi ĐKHKTT: thôn Th, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc;

*Bị đơn*: Anh Lê Văn T, sinh năm 1986 (có mặt); Nơi cư trú: thôn Th, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đỗ Thanh H trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn T ngày 04/6/2009. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn không bị ai ép buộc, lừa dối kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống không hoà thuận, hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, một phần do anh T ham chơi, không tu chí làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn kéo dài hai bên gia đình có giàn xếp khuyên bảo nhưng chỉ được một thời gian ngắn anh T vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Huyền M, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2010 và Lê Gia L sinh ngày 10 tháng 12 năm 2012. Hiện nay cả hai con đang ở cùng chị H tại xã Q. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu L, để anh T nuôi dưỡng cháu M và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị H kinh doanh tự do (bán hàng giày dép) với mức thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Thanh H tự nguyện nộp toàn bộ án phí.

Bị đơn anh Lê Văn T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày***:*** Anh xác nhận những lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là là Lê Huyền M, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2010 và Lê Gia L, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2012. Hiện nay cả hai con đang ở cùng chị H tại xã Q. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu L, để chị H nuôi dưỡng cháu M và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm việc tại công ty TNHH sản xuất Khoa Long - thành phố Hà Nội với mức lương thu nhập 20.000.000 đồng/tháng.

Về án phí: anh Lê Văn T đề nghị chị Đỗ Thanh H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị H được ly hôn anh T. Về nuôi con: Đề nghị giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Huyền M; giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Gia L. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: không xem xét giải quyết. Về án phí: chị H phải chịu nộp theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là anh T hiện đang trú tại thôn Th, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hn và anh T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng bất đồng về làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Tại phiên tòa, chị Huyền đề nghị được ly hôn với anh Trường, anh Trường xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục được và đồng ý ly hôn với chị H. Do vậy, yêu cầu của chị H về việc xin được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Lê Huyền M, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2010 và cháu Lê Gia L, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2012. Hiện nay cả hai con đang ở cùng với chị H. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Anh T lại đề nghị được nuôi cháu L còn để chị H được nuôi cháu M. Xét thấy điều kiện hiện nay cả anh Tg và chị H đều có chỗ ở, thu nhập ổn định, đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Nhưng để đảm bảo quyền lợi của cả hai bên cha, mẹ, cũng là đảm bảo quyền được nuôi dưỡng, chăm sóc của các con chung; hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu L nhỏ tuổi hơn cháu M nên cần giao cho mẹ đẻ là chị H nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo điều kiện phát triển tâm sinh lý cho con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không đề nghị cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và các nghĩa vụ dân sự: anh T, chị H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thanh H được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung: Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Huyền M, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2010. Chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Gia L, sinh ngày 10/12/2012. Hiện nay cả hai con đang ở cùng chị H tại xã Q. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thanh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002447 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THADS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
(đã ký)

**Khương Đặng Khánh Hằng**

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Khương Đặng Khánh Hằng**